BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH VÀ HUỶ BỎ GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT
ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ PHÚ LỘC IV, PHƯỜNG HOÀNG VĂN THỤ, THÀNH PHỐ LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số: 857 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Số HS	Họ và tên	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Giá trị Bồi thường, hỗ trợ đất đai	Giá trị hỗ trợ đất đai	Giá trị bồi thường, hỗ trợ VKT	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu	Hỗ trợ di chuyển chỗ ở và thuê nhà	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ nghề nghiệp và tạo việc làm
1	*2*	*3*	*4= 5+...+13*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
I		**Điều chỉnh giảm một phần giá trị bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt tại Quyết định số 819/QĐ-UB-XD ngày 07/6/2005 của UBND tỉnh Lạng Sơn.**								
1	10	Tạ Thị Thuần	321.070.000							
Tổng			**321.070.000**							
II		**Hủy bỏ giá trị bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt tại Quyết định số 2257/QĐ-UBND ngày 03/12/2007 của UBND tỉnh Lạng Sơn.**								
1	73	Trình Văn Nguyên (Trình Báo Nguyên)	225.454.000	13.632.000	206.752.000		54.000		2.016.000	3.000.000
Tổng			**225.454.000**	**13.632.000**	**206.752.000**		**54.000**		**2.016.000**	**3.000.000**
III		**Điều chỉnh giảm một phần và Hủy bỏ giá trị bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt tại Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 22/6/2009 của UBND tỉnh Lạng Sơn.**								
1	7	Tạ Thị Thuần	217.668.000			203.943.000			4.725.000	9.000.000
2	169	Trình Văn Nguyên (Trình Báo Nguyên)	10.224.000		10.224.000					
Tổng			**227.892.000**		**10.224.000**	**203.943.000**			**4.725.000**	**9.000.000**
IV		**Huỷ bỏ giá trị bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt tại Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 29/5/2009 của UBND tỉnh Lạng Sơn.**								
1	1	Nguyễn Thị Hiệu	34.457.400	100.800	2.184.000	32.172.600				
2	2	Phạm Thế Hòa	100.407.800	32.232.400	11.102.000	56.554.100	519.300			
3	3	Lã Đức Hỷ + Nguyễn Bích Nhung	390.840.300	211.616.200	65.902.200	97.852.100	10.669.800	4.800.000		
4	4	Hoàng Văn Vân (bố của ông Hoàng Văn Hữu)	376.440.500	186.990.400	19.892.600	166.477.500	80.000	3.000.000		
5	5	Phạm Thị Nguyệt	568.162.800	210.973.600	41.168.400	309.778.300	242.500	6.000.000		
Tổng			**1.470.308.800**	**641.913.400**	**140.249.200**	**662.834.600**	**11.511.600**	**13.800.000**		
Tổng cộng = I+II+III+IV			**2.244.724.800**	**655.545.400**	**357.225.200**	**866.777.600**	**11.565.600**	**13.800.000**	**6.741.000**	**12.000.000**